



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN – QUY NHƠN
Lô B6, đường số 5, KCN Nhơn Hội, TP.Quy Nhơn, Bình Định
Mã số thuế : 41 00 62 45 13

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020

Quy Nhơn, tháng 01 năm 2020

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	01-02
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	03
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	04-05
4. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	06-18

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4,591,071,327	20,953,617,095
	(100 = 110+120+130+140+150)				
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2,796,039,136	3,792,070,290
1.	Tiền	111		307,039,136	992,070,290
2.	Các khoản tương đương tiền	112		2,489,000,000	2,800,000,000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2,300,000	421,652,036
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	-	198,000,000
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	30,000,000
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2,300,000	193,652,036
IV.	Hàng tồn kho	140	V.5	910,388,358	14,858,847,640
1.	Hàng tồn kho	141		910,388,358	14,858,847,640
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		882,343,833	1,881,047,129
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	-	746,155,761
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		398,181,053	650,728,588
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		484,162,780	484,162,780
4.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		793,924,066,489	794,156,755,038
	(200 = 210+220+240+250+260)				
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		55,900,000,000	55,900,000,000
1	Phải thu dài hạn khác	216		55,900,000,000	55,900,000,000
II.	Tài sản cố định	220		24,023,930,026	40,550,842,193
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	24,023,930,026	40,550,842,193
	- Nguyên giá	222		223,487,627,809	264,706,698,194
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(199,463,697,783)	(224,155,856,001)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
	- Nguyên giá	228		73,876,000	73,876,000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(73,876,000)	(73,876,000)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		8,334,051,749	8,719,105,597
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	8,334,051,749	8,719,105,597
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	693,508,764,302	676,111,253,196
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		648,950,000,000	648,950,000,000
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		65,800,000,000	65,800,000,000
3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(21,241,235,698)	(38,638,746,804)
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		12,157,320,412	12,875,554,052
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	10,567,709,574	11,117,801,164
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1,589,610,838	1,757,752,888
	TỔNG CỘNG	270		798,515,137,816	815,110,372,133

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		33,394,265,849	46,612,013,770
I. Nợ ngắn hạn	310		33,394,265,849	46,612,013,770
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	133,399,976	549,349,611
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6,480,000,000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	91,152,000	4,923,550
4. Phải trả người lao động	314		3,374,150	12,966,750
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		291,091,680	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	5,895,248,043	5,499,773,859
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	V.13	20,500,000,000	40,545,000,000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		765,120,871,967	768,498,358,363
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	765,120,871,967	768,498,358,363
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,100,000,000,000	1,100,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,100,000,000,000	1,100,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5,000,000,000	5,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	415		(209,430,975,950)	(209,430,975,950)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(130,448,152,083)	(127,070,665,687)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trư	421a		(127,070,665,687)	(98,132,743,879)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3,377,486,396)	(28,937,921,808)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		798,515,137,816	815,110,372,133

Người lập & Kế toán trưởng



Kiều Thanh Tuấn

Quy Nhơn, ngày 19 tháng 01 năm 2021



Tông Giám đốc

Huỳnh Thị Ngọc Lan

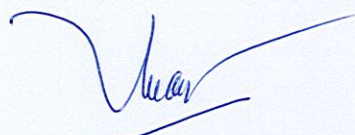
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2020	Quý 4/2019	Lũy kế từ đầu năm đến Quý 4/2020	Lũy kế từ đầu năm đến Quý 4/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	-	21,202,418,401	10,943,917,987	52,119,690,618
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	21,202,418,401	10,943,917,987	52,119,690,618
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	-	19,927,608,864	18,656,473,328	55,412,035,873
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	1,274,809,537	(7,712,555,341)	(3,292,345,255)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9,379,320	55,677,645	91,075,177	104,351,153
7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	22	VI.4	(7,788,650,533)	15,428,595,665	(16,923,209,021)	18,337,331,063
	23		-	346,978,150	440,423,014	3,169,139,999
8. Chi phí bán hàng	24		32,913,199	1,663,759,880	1,473,445,578	4,356,858,995
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		323,522,951	721,277,478	2,195,568,787	3,324,272,959
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		7,441,593,703	(16,483,145,841)	5,632,714,492	(29,206,457,119)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	5,714,564	212,378,496	2,904,350,928	268,535,311
12. Chi phí khác	32	VI.6	-	-	11,746,409,765	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		5,714,564	212,378,496	(8,842,058,837)	268,535,311
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7,447,308,267	(16,270,767,345)	(3,209,344,345)	(28,937,921,808)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.7	-	-	168,142,051	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		7,447,308,267	(16,270,767,345)	(3,377,486,396)	(28,937,921,808)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	69	(152)	(31)	(270)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập & Kế toán trưởng



Kiều Thanh Tuấn



Quy Nhơn, ngày 19 tháng 01 năm 2021

Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Ngọc Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến Quý 4/2020	Lũy kế từ đầu năm đến Quý 4/2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(3,209,344,345)	(28,937,921,808)
2. Điều chỉnh cho các khoản :			
- Khấu hao tài sản cố định	02	5,165,593,360	8,184,670,129
- Các khoản dự phòng	03	(17,397,511,106)	15,075,372,048
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	44,139	12,427
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	8,786,996,865	(225,968,839)
- Chi phí lãi vay	06	440,423,014	3,169,139,999
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(6,213,798,073)	(2,734,696,044)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	671,899,571	(56,488,073,723)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	13,948,459,282	48,156,739,929
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	6,386,829,065	(213,646,199)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	1,296,247,351	794,545,368
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16,089,637,196	(10,485,130,669)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	2,875,909,091	323,394,089
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	83,466,698	41,236,850
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2,959,375,789	364,630,939

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến Quý 4/2020	Lũy kế từ đầu năm đến Quý 4/2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	30,500,000,000	54,730,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(50,545,000,000)	(41,585,000,000)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20,045,000,000)	13,145,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50	(995,987,015)	3,024,500,270
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3,792,070,290	767,582,447
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(44,139)	(12,427)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	2,796,039,136	3,792,070,290

Quy Nhơn, ngày 19 tháng 01 năm 2021

Người lập & Kế toán trưởng



Kiêu Thanh Tuấn



Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Ngọc Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 353031000005 do Ban quản lý Khu kinh tế Nhơn Hội tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 11/12/2006, thay đổi lần thứ 11 ngày 03/02/2016.

Tên tiếng Anh: Sai Gon - Quy Nhon Mining Corporation.

Tên viết tắt: SQC

Mã chứng khoán: SQC

Trụ sở chính: Lô B6, Đường số 5, KCN Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

3. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, xây dựng, khai thác và chế biến quặng Titan

4. Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác, chế biến, mua bán quặng Titan và các sản phẩm hậu Titan;
- Gia công, chế tạo, mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai thác khoáng sản (chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao;
- San lấp mặt bằng, làm đường giao thông nội bộ trong mặt bằng xây dựng;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống ...).
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Cho thuê nhà xưởng phục vụ các mục đích sản xuất kinh doanh;

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

- Tỷ giá giao dịch thực tế
- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư nếu công ty này là công ty mẹ, và là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con.

Nguyên tắc kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính : Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các dự án hay đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu. Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Phải thu của khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, có tính chất mua - bán như : phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý nhượng bán tài sản.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	02 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	02 - 15 năm
Phương tiện vận tải	04 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý và khác	02 - 15 năm
Phần mềm máy tính	02 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng, chi phí thiết bị và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã được thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả. Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác.

Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản.

Các khoản phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, tài sản như : phải trả về tiền phạt, bồi thường, các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,.....

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ; các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; Chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ như : vận chuyển, thuê kho bãi, kiểm nghiệm hàng bán, giới thiệu hàng mẫu, nhân công khuân vác,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung gồm các chi phí về lương bộ phận quản lý; BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của nhân viên quản lý; khấu hao TSCĐ, chi phí vật liệu văn phòng, các khoản chi phí mua ngoài và bằng tiền khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2020	01/01/2020
Tiền	307,039,136	992,070,290
Tiền mặt	18,542,335	36,123,959
Tiền mặt VNĐ	18,542,335	36,123,959
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	288,496,801	955,946,331
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	281,506,025	921,593,252
Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ	6,990,776	34,353,079
Các khoản tương đương tiền	2,489,000,000	2,800,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	2,489,000,000	2,800,000,000
Cộng	2,796,039,136	3,792,070,290

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty liên doanh	26,535,000	648,950,000,000	26,535,000	648,950,000,000
Công ty CP dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	26,535,000	648,950,000,000	26,535,000	648,950,000,000
Đầu tư dài hạn khác	6,580,000	65,800,000,000	6,580,000	65,800,000,000
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn	6,580,000	65,800,000,000	6,580,000	65,800,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(21,241,235,698)	-	(38,638,746,804)
Cộng	33,115,000	693,508,764,302	33,115,000	676,111,253,196

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
3.1 Phải thu khách hàng trong nước	-	198,000,000
3.2 Phải thu khách hàng nước ngoài	-	-
Cộng	-	198,000,000

4. Phải thu khác

	31/12/2020	01/01/2020
4.1 Ngắn hạn	2,300,000	193,652,036
- Ký cược, ký quỹ	2,300,000	2,300,000
- Phải thu khác	-	191,352,036
4.2 Dài hạn	55,900,000,000	55,900,000,000
- Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Hàm Tân	55,900,000,000	55,900,000,000
Cộng	55,902,300,000	56,093,652,036

5. Hàng tồn kho

	31/12/2020	01/01/2020
Nguyên liệu, vật liệu	-	7,107,702,557
Công cụ, dụng cụ	-	124,883,811
Chi phí SX, KD dở dang	-	1,206,101,714
Thành phẩm	368,851,679	368,851,678
Hàng hoá	541,536,679	6,051,307,880
Cộng giá gốc hàng tồn kho	910,388,358	14,858,847,640
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	910,388,358	14,858,847,640

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

Nhà máy sản xuất xi titan

Cộng

31/12/2020	01/01/2020
8,334,051,749	8,719,105,597
8,334,051,749	8,719,105,597
8,334,051,749	8,719,105,597

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình : xem thuyết minh tại trang 17

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Nhãn hiệu hàng hóa	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	73,876,000	-	73,876,000
Mua trong năm	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	73,876,000	-	73,876,000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	73,876,000	-	73,876,000
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	73,876,000	-	73,876,000
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-

9. Chi phí trả trước

- Ngắn hạn

- Dài hạn

Cộng

31/12/2020	01/01/2020
-	746,155,761
10,567,709,574	11,117,801,164
10,567,709,574	11,863,956,925

10. Phải trả người bán

10.1 Phải trả người bán trong nước

- Phải trả người bán ngắn hạn

+ Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và XD An Đạt Phát

+ Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

+ CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Bình Định

+ Công ty TNHH Thương mại và Môi trường Hậu Sanh

+ Phải trả người bán khác

10.2 Phải trả người bán nước ngoài

Cộng

31/12/2020	01/01/2020
133,399,976	549,349,611
133,399,976	549,349,611
18,988,150	225,588,150
-	115,881,190
-	126,820,271
99,990,000	-
14,421,826	81,060,000
-	-
133,399,976	549,349,611

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2020	01/01/2020
11.1 Phải nộp	91,152,000	4,923,550
Thuế thu nhập cá nhân	-	4,923,550
Thuế khác	91,152,000	-
11.2 Phải thu	484,162,780	484,162,780
Thuế thu nhập doanh nghiệp	484,162,780	484,162,780
Cộng	(393,010,780)	(479,239,230)
12. Phải trả khác	31/12/2020	01/01/2020
- Ngắn hạn	5,895,248,043	5,499,773,859
Kinh phí công đoàn	-	33,102,800
Bảo hiểm xã hội	961,350	-
Bảo hiểm y tế	169,650	-
Bảo hiểm thất nghiệp	75,400	-
Phải trả, phải nộp khác	5,894,041,643	5,466,671,059
- Dài hạn	-	-
Cộng	5,895,248,043	5,499,773,859
13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	31/12/2020	01/01/2020
Vay ngắn hạn	20,500,000,000	40,545,000,000
Cộng	20,500,000,000	40,545,000,000
14. Vốn chủ sở hữu		
14.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: Xem Thuyết minh tại trang 18		
14.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2020	01/01/2020
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	1,100,000,000,000	1,100,000,000,000
Cộng	1,100,000,000,000	1,100,000,000,000
14.3 Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận:		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2020	01/01/2020
Vốn góp đầu kỳ	1,100,000,000,000	1,100,000,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1,100,000,000,000	1,100,000,000,000
14.4 Cổ phiếu	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120,000,000	120,000,000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	107,299,000	110,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Cổ phiếu thường	107,299,000	110,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	2,701,000
Cổ phiếu thường		2,701,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	107,299,000	107,299,000
Cổ phiếu thường	107,299,000	107,299,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/cổ phiếu		

15. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	31/12/2020	01/01/2020
Ngoại tệ các loại		
- USD	304.41	1,211.60
- EUR	-	210.65

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 4/2020	Quý 4/2019
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	-	21,125,862,781
Doanh thu khác	-	76,555,620
Tổng doanh thu	-	21,202,418,401
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	-	21,202,418,401
2. Giá vốn hàng bán	Quý 4/2020	Quý 4/2019
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	15,536,904,849
Giá vốn khác	-	4,390,704,015
Cộng	-	19,927,608,864
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 4/2020	Quý 4/2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9,379,320	21,033,999
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	34,643,646
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Cộng	9,379,320	55,677,645
4. Chi phí tài chính	Quý 4/2020	Quý 4/2019
Lãi tiền vay	-	346,978,150
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	6,233,040

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	12,427
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(7,788,650,533)	15,075,372,048
Cộng	(7,788,650,533)	15,428,595,665
5. Thu nhập khác	Quý 4/2020	Quý 4/2019
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	343,202,106
Thu nhập khác	5,714,564	7,838,490
Cộng	5,714,564	351,040,596
6. Chi phí khác	Quý 4/2020	Quý 4/2019
Giá trị còn lại thanh lý tài sản cố định	-	138,662,100
Cộng	-	138,662,100
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Quý 4/2020	Quý 4/2019
- Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí Thuế TNDN hoãn lại được hoàn nhập do thanh lý TS	-	-
Cộng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý 4/2020	Quý 4/2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7,447,308,267	(16,270,767,345)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	7,447,308,267	(16,270,767,345)
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	107,299,000	107,299,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	69	(152)

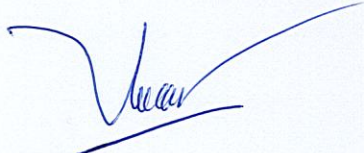
VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

2. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Người lập & Kế toán trưởng



Kiều Thanh Tuấn

Quy Nhơn, ngày 19 tháng 01 năm 2021

Tổng Giám đốc



Huỳnh Thị Ngọc Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư 01/10/2020	73,459,065,593	146,617,013,909	554,532,696	492,205,579	2,364,810,032	223,487,627,809
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2020	73,459,065,593	146,617,013,909	554,532,696	492,205,579	2,364,810,032	223,487,627,809
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/10/2020	50,591,655,981	146,048,992,092	554,532,696	492,205,579	1,776,311,435	199,463,697,783
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2020	50,591,655,981	146,048,992,092	554,532,696	492,205,579	1,776,311,435	199,463,697,783
Giá trị còn lại						
Số dư 01/10/2020	22,867,409,612	568,021,817	-	-	588,498,597	24,023,930,026
Số dư 31/12/2020	22,867,409,612	568,021,817	-	-	588,498,597	24,023,930,026

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUÝ NHON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Vốn chủ sở hữu

14.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2020	1,100,000,000,000	5,000,000,000	(209,430,975,950)	-	(127,070,665,687)	768,498,358,363
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(10,824,794,663)	(10,824,794,663)
Số dư tại ngày 30/09/2020	1,100,000,000,000	5,000,000,000	(209,430,975,950)	-	(137,895,460,350)	757,673,563,700
Số dư tại ngày 01/10/2020	1,100,000,000,000	5,000,000,000	(209,430,975,950)	-	(137,895,460,350)	757,673,563,700
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	7,447,308,267	7,447,308,267
Số dư tại ngày 31/12/2020	1,100,000,000,000	5,000,000,000	(209,430,975,950)	-	(130,448,152,083)	765,120,871,967

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính

